

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓP CỘP
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31 /2019/HS-ST

Ngày: 30 /7 /2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓP CỘP, TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Tam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Văn Quỳnh; Ông Lò Văn Dường.

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Thiết – thư ký Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sốp Cộp tham gia phiên tòa:
Ông Mai Văn Quyết – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 34/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2019/QĐXXST-HS ngày 17/7/2019 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn T, giới tính: Nam, tên gọi khác: Không, sinh ngày 13 tháng 8 năm 1984, tại thị xã Đông T, tỉnh Q.

Nơi cư trú: Thôn Phúc Thị, xã Việt D, thị xã Đông T, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; con ông: Bùi Văn D và bà: Nguyễn Thị T; có vợ và 02 con: tiền án, tiền sự: không có; nhân thân; bị bắt tạm giam từ ngày 26/3/2019 cho đến nay, có mặt.

2. Tòng Thị S, giới tính: Nữ, tên gọi khác: Không; sinh năm 1988, tại huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La

Nơi cư trú: Bản Nà A, xã Mường L, huyện S, tỉnh Sơn La, nghề nghiệp: Lao động tự do, trình độ học vấn: 7/12, dân tộc: Thái; con ông: Tòng Văn C và bà Lò Thị Đ; chồng: Không có, có 2 con, tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân; bị bắt, tạm giam từ ngày 26/3/2019 cho đến nay, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 24 tháng 3 năm 2019 Bùi Văn T từ nhà ở thôn Phúc Th, Việt D, thị xã Đông T đến khu du lịch tỉnh Quảng N gặp và mua được 05 viên ma túy tổng hợp của một người phụ nữ không quen biết với số tiền 2.000.000 đồng, mục đích để sử dụng, sau đó Thắng điện cho Tòng Thị S, sinh

năm 1988 là bạn, đang làm thuê ở tỉnh Bắc Ninh hẹn gặp S tại bến xe khách Mỹ Đình thuộc Quận Nam Từ Liêm thành phố Hà Nội, để cùng đến nhà S ở bản Nà A, xã Mường L, huyện S, tỉnh Sơn La chơi. Đến khoảng 22 giờ ngày 25/3/2019 T và S, từ nhà S ở bản NàA, xã Mường L đến nhà nghỉ và đến phòng hát ở khu trung tâm huyện Sốp Cộp, tại đây T lấy ra 02 viên ma túy và cùng S sử dụng, còn lại 03 viên T đưa cho S cất giữ để cùng sử dụng.

Đến 13 giờ 30 ngày 26/3/2019 T và S lên xe khách tuyến Sốp Cộp - thành phố Sơn La, đến km 113 + 700 Quốc lộ 4G thuộc bản Tà Cọ, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp, bị Công an huyện Sốp Cộp kiểm tra thu giữ trong túi xách da màu đen, trắng của Tòng Thị S 03 viên ma túy tổng hợp, Sơn khai nhận đó là 03 viên ma túy của Bùi Văn T đưa cho Sơn cất giấu để cùng sử dụng. Vật chứng được niêm phong theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/3/2019 tại Viện khoa học hình sự - Bộ công an tiến hành lập hội đồng mở niêm phong, cân tịnh và trích mẫu giám định, xác định khối lượng vật chứng 03 viên nén màu vàng của Tòng Thị S và Bùi Văn T có khối lượng 1,434 gam làm mẫu giám định.

Tại bản kết luận giám định số 1622/C09-TT2 ngày 03/4/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: “Mẫu 03(Ba) viên nén màu vàng gửi giám định là ma túy; loại: MDMA; Tổng khối lượng mẫu là 1,434 gam”.

Bản cáo trạng số 33 /CT-VKS ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La truy tố các bị cáo Bùi Văn T và Tòng Thị S về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy qui định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 22 tháng đến 26 tháng tù, thời gian tù tính từ ngày 26/3/2019.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Tòng Thị S từ 18 đến 22 tháng tù, thời gian tính từ ngày 26/3/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: 01(một) chiếc phong bì thư của Viên khoa học hình sự Bộ Công an có số 1622/C09 - TT2 đã được niêm phong dán kín. bên trong phong bì có 01 vỏ bao gói và 0,682 gam ma túy, loại MDMA, là vật cấm lưu hành cần tịch thu để tiêu hủy. 01 (một) túi da màu đen trắng có liên quan đến hành vi tội phạm cần tịch thu để tiêu hủy.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH/14 ngày 30/12/2016; buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Về nguồn gốc 1,434 gam ma túy, bị cáo T khai mua của một người phụ nữ, không quen biết, ngoài lời khai của bị cáo T không còn căn cứ khác chứng

minh, nên cơ quan điều tra Công an huyện Sốp Cộp không có căn cứ để xử lý trong vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai nhận của các bị cáo, vật chứng của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Sốp Cộp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sốp Cộp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định tội danh:

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn T khai nhận ngày 24 tháng 3 năm 2019 đã mua 05 viên ma túy tổng hợp với số tiền 2.000.000 đồng của một người không quen biết, ngày 25/3/2019 T và Tòng Thị S đã cùng sử dụng hết 02 viên, 03 viên còn lại T đưa cho S cất giữ để sử dụng. Đến 13 giờ 30 ngày 26/3/2019 khi cả 2 cùng lên xe khách ra thành phố Sơn La thì bị Công an huyện Sốp Cộp kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu giữ 03 viên ma túy trong túi xách của Tòng Thị S; Xét lời khai nhận của các bị cáo T, S tại phiên tòa phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 14 giờ ngày 26 tháng 3 năm 2019; Biên bản cân tịnh vật chứng, kết luận giám định số 1622/C09-TT2 ngày 03/4/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, vật chứng của vụ án là 1,434 gam ma túy; loại MDMA.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Bùi Văn T và Tòng Thị S phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Đối với bị cáo Bùi Văn T có vai trò chính đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, đã chủ động mua và có hành vi lôi kéo Tòng Thị S cùng tàng trữ, nên phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo Tòng Thị S.

Bị cáo Tòng Thị S tham gia với vai trò đồng phạm nên cần áp dụng điều 58 của Bộ luật hình sự để đảm bảo quyền lợi cho bị cáo.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm đến chính sách độc quyền của nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn, các bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật, nhận thức

được Tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo để trở thành công dân có ích và để phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, trước khi phạm tội chưa có tiền án, tiền sự nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Với các căn cứ nêu trên. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sốp Cộp truy tố các bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự và đưa ra mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, là có căn cứ đúng với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí với tội danh và điều luật áp dụng, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính lẽ ra các bị cáo phải bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo qui định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự; xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng, nên không áp dụng.

[6] Về vật chứng: 01(một) chiếc phong bì thư của Viện khoa học hình sự Bộ Công an có số 1622/C09 - TT2 đã được niêm phong dán kín. Một mặt phong bì ghi: “Kính gửi: Cơ quan CSĐT- Công an huyện Sốp Cộp- tỉnh Sơn La. Mẫu vật hoàn trả sau giám định”. Mặt còn lại của phong bì có 4 chữ ký và 4 hình dấu tròn đỏ của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, bên trong phong bì có 01 vỏ bao gói và 0,682 gam ma túy, loại MDMA là vật cầm lưu hành cần tịch thu để tiêu hủy. 01 (một) túi da màu đen trắng có liên quan đến hành vi tội phạm cần tịch thu để tiêu hủy.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Tuyên quyền kháng cáo đối với các bị cáo.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về hình phạt: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T và Tòng Thị S phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt Bùi Văn T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/3/2019.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt Tòng Thị S 18 (Mười tám) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 26/3/2019.

Không áp dụng phạt tiền đối với các bị cáo.

2. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu để tiêu hủy 01(một) chiếc phong bì thư của Viện khoa học hình sự Bộ Công an số 1622/C09 - TT2 đã được niêm phong, dán kín, Một mặt phong bì ghi: “Kính gửi: Cơ quan CSĐT- Công an huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La. Mẫu vật hoàn trả sau giám định”, mặt còn lại của phong bì niêm phong có 06 chữ ký và 04 hình dấu đỏ của Viện khoa học hình sự Bộ công an; 01(Một) túi da màu đen, trắng đã qua sử dụng; Toàn bộ vật chứng của vụ án theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09 tháng 7 năm 2019, giữa Chi cục thi hành án dân sự huyện và Công an huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ; quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ; buộc bị cáo Bùi Văn T, Tòng Thị S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/7/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Sốp Cộp;
- Công an huyện Sốp Cộp;
- Thi hành HS;
- Trại giam;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Thi HADS huyện Sốp Cộp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Ngọc Tam